

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2024/HSST
Ngày 31 tháng 5 năm 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thúc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nhon

Bà Hồ Thị Lang

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Trường - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Doãn Đình Khánh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ ngày 24 tháng 5 năm 2024 đến ngày 31 tháng 5 năm 2024 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 199/2023/TLST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 2 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/HSST-QĐ ngày 28/3/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/HSST-QĐ ngày 23/4/2024 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Văn Q; sinh năm 1984; Giới tính: Nam; Nơi sinh: NĐ; Nơi ĐKKHKT: Đội 16 Thôn Y L, xã Nam H, huyện Nam T, tỉnh Nam Đ; Chỗ ở: 162/35E Nguyễn Duy C, phường T, quận GV, Thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Tự do; Họ tên cha: Lê Duy H (Đã chết); Họ tên mẹ: Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1952; Gia đình bị cáo có 04 anh chị, bị cáo là người thứ 04 trong gia đình; Vợ: Trần Thị Vân A, sinh năm 1986; Có 03 người con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không có; Biện pháp ngăn chặn: Tạm giam ngày 10/9/2020 đến ngày 19/9/2020 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Họ và tên: Vũ Ngọc G; sinh năm 1994; Giới tính: Nam; Nơi sinh: Nam Đ; Nơi ĐKKHKT: Đội 16 Thôn Y L, xã Nam H, huyện Nam T, tỉnh Nam Đ; Chỗ ở: 793/31 Trần Xuân S, phường Tân H, quận S, Thành phố H; Quốc tịch: VN; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Tự do; Họ tên cha: Vũ Trọng L, sinh năm 1967; Họ tên mẹ: Đặng Thị T, sinh năm 1972; Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị

cáo là người thứ 02 trong gia đình; Vợ: Mai Thị Phương A, sinh năm 1996; Con: Có 01 con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không có; Biện pháp ngăn chặn: Tạm giữ từ ngày 10/9/2020 đến ngày 19/9/2020 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Những người tham gia tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Thu T

Nơi cư trú: 239/64/7 Bà H, phường T, quận S, TP. H

2. Anh Phạm Lê M

Nơi cư trú: 133-135 đường F, phường Tân T, quận B, TP. H

3/ Anh Nguyễn Hoàng T

Nơi cư trú: 72 Phan Huy I, phường F, quận TB, TP. H

4. Bà Lục Thị T

Địa chỉ: xã Nghĩa T, huyện Văn C, tỉnh YB

5. Ông Nguyễn Hữu H

Địa chỉ: A2.8.10 chung cư Lê T, đường An Dương V, phường An L, quận BT, TP.H.

6. Ông Nguyễn Văn M

Địa chỉ: 793/31 Trần Xuân S, phường Tân H, quận S, TP. H.

7. Ông Nguyễn Thanh T

Địa chỉ: 257/52 Nguyễn Duy C, phường T, quận GV, Thành phố H.

8. Ông Phạm Văn T

Địa chỉ: A2 603 chung cư HN, đường Dương Thị M, phường Tân Chánh H, quận R, TP. H.

9. Ông Bùi Tiến D

Địa chỉ: 119 Lê Q Đ, phường F, quận BT, Thành phố H.

10. Ông Nguyễn Đức M

Địa chỉ: 119 Lê Q Đ, phường 19, quận B, TP.H

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu T có mặt tại phiên tòa; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/9/2020, tại nhà số 30/70/2 đường Nguyễn Gia T, phường TF, quận BT, Công an Quận BT phát hiện các đối tượng: Lê Văn Q, Vũ Ngọc G đang hoạt động giao nhận tiền vay lãi nên tiến hành bắt quả tang đưa về trụ sở làm việc.

Tại Cơ quan điều tra, Lê Văn Q, Vũ Ngọc G khai nhận: Cả hai có mối quan hệ bạn bè quen biết do cùng quê ở tỉnh Nam Định. Trong thời gian từ đầu năm 2020 cho đến khi

bị bắt, Q và G cùng hành nghề cho vay thu tiền lãi trên địa bàn Thành phố H. Tuy nhiên, cả hai hoạt động độc lập, không chung vốn, không chia lợi nhuận với nhau. Q thường dán tờ rơi quảng cáo để tìm kiếm khách vay tiền, còn G thường quảng cáo cho vay trên mạng.

Q, G đều hoạt động cho vay với 02 hình thức là vay tiền góp (là loại hình vay mà tiền nợ gốc, tiền lãi được chia nhỏ, trả định kỳ) và vay tiền đứng (là loại hình vay mà trả tiền lãi định kỳ, sau đó mới thanh toán tiền nợ gốc, tiền lãi của kỳ cuối). Người có nhu cầu vay tiền sẽ liên hệ qua số điện thoại trên tờ quảng cáo, hoặc qua trang mạng xã hội, sau đó hẹn gặp mặt trực tiếp để cung cấp các giấy tờ gồm: Giấy CMND, sổ hộ khẩu, hoặc các giấy tờ liên quan khác (bản chính hoặc bản photo). Sau đó, Q, G sẽ đi tìm hiểu thông tin cá nhân của người vay, nếu đúng thì làm “Giấy vay tiền” với người vay. Trên “Giấy vay tiền” có nội dung: ghi thông tin người vay tiền, số tiền vay nhưng không ghi lãi suất, thời gian vay và người vay phải ký ghi rõ họ tên.

Số tiền cho vay một lần tối thiểu 10.000.000 đồng và tối đa là 70.000.000 đồng, lãi suất vay từ 20%-25%/ 01 tháng, thời gian vay trong 24, hoặc 30 ngày. Sau khi được vay thì người vay sẽ nhận được số tiền nợ gốc nhưng phải trừ đi tiền phí dịch vụ từ 5-10%/tổng số tiền vay và đóng trước tiền góp hoặc tiền lãi đứng của 01-05 ngày đầu. Hàng ngày nhóm Q, G đến nơi ở của người vay để thu tiền. Ngoài ra, người vay có thể trả tiền vay bằng cách chuyển tiền qua tài khoản. Nếu người vay không đóng tiền đúng hạn thì các đối tượng trên sẽ gọi điện thoại đe dọa hoặc đến nhà người vay đe dọa gây áp lực để yêu cầu trả tiền.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định được Q và G đã cho 07 người vay tiền. Trong đó đã xác minh, làm việc được với 03 người vay tiền gồm: chị Nguyễn Thị Thu T, anh Phạm Lê M, anh Nguyễn Hoàng T đều khai việc vay tiền là tự nguyện, không ai bị ép buộc. Còn đối với 04 người vay tiền tên: Võ Việt P, Từ Ngọc Khánh L, Huỳnh Quan Đính, Phạm Thống N thì Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng đến nay chưa làm việc được (bút lục: 182a; 183-185). Cụ thể như sau:

+ Đối với hoạt động cho vay lãi nặng của Lê Văn Q:

Đầu năm 2020, do cần vay tiền để chi tiêu trang trải cuộc sống gia đình nên chị Nguyễn Thị Thu T dò hỏi bạn bè và được biết Lê Văn Q chuyên cho vay. Sau đó, chị T tự chủ động liên hệ gặp Q để trao đổi hình thức vay, lãi suất vay. Trong thời gian từ ngày 11/4/2020 đến ngày 06/7/2020, chị T đã vay tiền của Q tổng cộng 16 lần, với tổng số tiền nợ gốc là 340.000.000 đồng. Trong đó,

+ Vay tiền góp 13 lần với tổng số tiền vay là 270.000.000 đồng, thời gian mỗi khoản vay là 30 ngày với lãi suất 0.67%/ 01 ngày, tương đương 240%/ 01 năm là gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự. Chị T đã trả cho Q tiền lãi vay 54.000.000 đồng, tiền phí cho vay 9.000.000 đồng.

Như vậy, số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 4.536.000 đồng; số tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 49.464.000 đồng. Q đã thu lợi bất chính nhiều lần từ việc cho chị T vay tiền góp, với tổng số tiền thu lợi bất chính là 58.464.000 đồng.

+ Vay tiền đứng 03 lần với tổng số tiền vay là 70.000.000 đồng, không giao hẹn thời gian tất toán, với lãi suất 1.5%/ 01 ngày, tương đương 540%/ 01 năm là gấp 27 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự. Chị T đã trả tiền lãi vay 39.450.000 đồng, tiền phí cho vay 3.500.000 đồng.

Như vậy, số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 1.472.800 đồng; số tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 37.977.200 đồng. Q đã thu lợi bất chính nhiều lần từ việc cho chị T vay tiền đứng, với tổng số tiền thu lợi bất chính là 41.477.200 đồng.

Đến ngày 06/7/2020, khi chị T không còn khả năng trả nợ thì Q thông báo chị T còn nợ tiền gốc vay tổng cộng 120.000.000 đồng và hai bên thỏa thuận, thống nhất chuyển số tiền này thành tiền vay đứng với lãi suất 1.0%/ 01 ngày tương đương 365% /01 năm là gấp 18.25 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự. Chị T đã trả được 08 ngày tiền lãi vay đứng với tổng số tiền 9.600.000 đồng, rồi tránh né không trả nữa.

Như vậy, số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 537.600 đồng; số tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 9.062.400 đồng.

- Tổng số tiền nợ gốc mà Q cho chị T vay góp và vay đứng là 340.000.000 đồng. Đối với khoản nợ 120.000.000 đồng mà Q dùng để tính lãi vay đứng cho chị T từ ngày 09/7/2020 là không có thật. Bản chất khoản vay này là do chị T không trả vốn vay mà cũng không tiếp tục đóng lãi cho Q nên Q yêu cầu chị T phải đóng lãi cho tổng số tiền gốc chậm trả đó. Đến ngày 10/9/2020, khi bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang, chị T đã trả đủ cho Q 340.000.000 đồng tiền gốc. Tổng số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự mà chị T đã trả cho Q là 6.546.400 đồng. Tổng số tiền Q thu lợi bất chính từ việc cho chị T vay góp và vay đứng (bao gồm tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự và các khoản thu phí trái pháp luật khác) là 109.003.600 đồng. Trong đó, tất cả các lần thu lợi bất chính đều dưới 30.000.000 đồng.

+ Đối với hoạt động cho vay lãi nặng của Vũ Ngọc G:

1/ Người vay tiền chị Nguyễn Thị Thu T:

Thông qua Lê Văn Q giới thiệu, ngày 20/6/2020, chị Nguyễn Thị Thu T gặp Vũ Ngọc G để vay tiền. Trong thời gian từ ngày 20/6/2020 đến ngày 05/7/2020, chị T đã vay tiền của G tổng cộng 04 lần, với tổng số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng. Trong đó,

+ Vay tiền góp 03 lần với tổng số tiền vay là 60.000.000 đồng. Đối với mỗi khoản vay trong thời gian 30 ngày thì tính lãi suất 0.67%/ 01 ngày, tương đương 240%/ 01 năm là gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự, còn đối với mỗi khoản vay trong thời gian 24 ngày thì tính lãi suất 0.83%/ 01 ngày, tương đương 300%/ 01 năm là gấp 15 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự. Chị T đã trả cho G tiền lãi vay 12.000.000 đồng, tiền phí cho vay 1.500.000 đồng.

Như vậy, số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 974.000 đồng; số tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 11.026.000 đồng. G đã thu lợi bất chính nhiều lần từ việc cho chị T vay tiền góp, với tổng số tiền thu lợi bất chính là 12.526.000 đồng.

+ Vay tiền đứng 01 lần với số tiền vay là 20.000.000 đồng, không giao hẹn thời gian tất toán, với lãi suất 1.5%/ 01 ngày, tương đương 540%/ 01 năm là gấp 27 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự. Chị T đã trả tiền lãi vay 4.200.000 đồng, tiền phí cho vay 1.000.000 đồng.

Như vậy, số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 156.800 đồng; số tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 4.043.200 đồng. G đã thu lợi bất chính nhiều lần từ việc cho chị T vay tiền đứng, với tổng số tiền thu lợi bất chính là 5.043.200 đồng.

Đến ngày 07/7/2020, khi chị T không còn khả năng trả nợ thì G thông báo chị T còn nợ tiền gốc vay tổng cộng 50.000.000 đồng và hai bên thỏa thuận, thống nhất chuyển số tiền này thành 02 khoản vay. Bao gồm 10.000.000 đồng tiền vay góp, thời gian vay là 24 ngày, với lãi suất 0.83%/ 01 ngày, tương đương 300%/ 01 năm là gấp 15 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự và 40.000.000 đồng tiền vay đứng, không giao hẹn thời gian tất toán, với lãi suất 1.25%/ 01 ngày, tương đương 450%/ 01 năm là gấp 22.5 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự. Chị T đã tất toán khoản vay góp này, còn đối với khoản vay đứng này, chị T đóng được 4.500.000 đồng tiền lãi, rồi tránh né không trả nữa.

Như vậy, đối với khoản vay góp thì số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 134.400 đồng; số tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 1.865.600 đồng. Đối với khoản vay đứng thì số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 201.600 đồng; số tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 4.298.400 đồng.

- Tổng số tiền nợ gốc mà G cho chị T vay góp và vay đứng là 80.000.000 đồng. Đối với số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng mà G dùng để tính lãi vay, trong đó vay góp đối với 10.000.000 đồng và vay đứng đối với 40.000.000 đồng cho chị T từ ngày 07/7/2020 là không có thật. Bản chất khoản vay này là do chị T không trả vốn vay mà cũng không tiếp tục đóng lãi cho G nên G yêu cầu chị T phải đóng lãi cho tổng số tiền gốc chậm trả đó. Đến ngày 10/9/2020, khi bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang, chị T đã trả đủ cho G 80.000.000 đồng tiền gốc. Tổng số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự mà chị T đã trả cho G là 1.467.200 đồng. Tổng số tiền G thu lợi bất chính từ việc cho chị T vay góp và vay đứng (bao gồm tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự và các khoản thu phí trái pháp luật khác) là 23.732.800 đồng.

2/ Người vay tiền anh Phạm Lê M:

+ Do có quen biết từ trước nên ngày 07/6/2020, anh Minh gặp Vũ Ngọc G để vay tiền. Anh Minh ký giấy vay tiền, thế chấp cho G hợp đồng thuê nhà địa chỉ 133-135 đường số 55, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân và được cho vay 60.000.000 đồng tiền đứng, đóng tiền lãi 850.000 đồng/01 ngày và phải chịu phí dịch vụ là 3.000.000 đồng.

Như vậy, G đã cho anh Minh đã vay tiền đứng với lãi suất 1.42%/ 01 ngày, tương đương 510%/ 01 năm là gấp 25.5 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự. Tính đến thời điểm bị phát hiện, anh Minh đã trả cho G 50.000.000 đồng tiền gốc vay và đóng cho G 45 ngày tiền lãi với số tiền là 38.250.000 đồng.

Như vậy, số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 1.512.000 đồng; số tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 36.738.000 đồng. G đã thu lợi bất chính nhiều lần từ việc cho anh Minh vay tiền góp, với tổng số tiền thu lợi bất chính là 39.738.000 đồng.

+ Đến ngày 04/9/2020, anh Minh tiếp tục gặp G để vay 10.000.000 đồng tiền đứng, đóng tiền lãi 115.000 đồng/ 01 ngày và phải chịu phí dịch vụ là 200.000 đồng.

Như vậy, G đã cho anh Minh đã vay tiền đứng với lãi suất 1.15%/ 01 ngày, tương đương 414%/ 01 năm là gấp 20.7 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự. Tính đến thời điểm bị phát hiện, anh Minh chưa trả tiền gốc vay và đã đóng cho G 5 ngày tiền lãi với số tiền là 575.000 đồng.

Như vậy, số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 28.000 đồng; số tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 547.000 đồng. G đã thu lợi bất chính nhiều lần từ việc cho anh Minh vay tiền góp, với tổng số tiền thu lợi bất chính là 747.000 đồng.

- Tổng số tiền nợ gốc mà G cho anh Minh vay đứng là 70.000.000 đồng. Đến ngày 09/9/2020, khi bị lực lượng Công an phát hiện, anh Minh đã trả cho G 50.000.000 đồng tiền gốc và hiện còn nợ G 20.000.000 đồng tiền gốc. Tổng số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự mà anh Minh đã trả cho G là 1.540.000 đồng. Tổng số tiền G thu lợi bất chính từ việc cho anh Minh vay đứng (bao gồm tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự và các khoản thu phí trái pháp luật khác) là 40.485.000 đồng. Trong đó, tất cả các lần thu lợi bất chính đều dưới 30.000.000 đồng.

3/ Người vay tiền anh Nguyễn Hoàng T:

+ Thông qua quảng cáo vay tiền trên mạng, khoảng đầu tháng 8/2020, anh Triết liên lạc gặp Vũ Ngọc G để vay tiền. Anh Triết ký giấy vay tiền, thế chấp cho G giấy CMND và Hợp đồng thuê nhà địa chỉ 72 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình và được cho vay 70.000.000 đồng, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày góp 2.800.000 đồng và phải chịu phí dịch vụ là 3.500.000 đồng.

Như vậy, G đã cho anh Triết đã vay tiền góp với lãi suất 0.67%/ 01 ngày, tương đương 240%/ 01 năm là gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự. Tính đến thời điểm bị phát hiện, anh Triết đã tắt toán khoản vay này và đóng cho G 14.000.000 đồng tiền lãi.

Như vậy, số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 1.176.000 đồng; số tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 12.824.000 đồng. G đã thu lợi bất chính nhiều lần từ việc cho anh Triết vay tiền góp, với tổng số tiền thu lợi bất chính là 16.324.000 đồng.

+ Sau khi tắt toán khoản vay thứ nhất thì với hình thức vay như trên, anh Triết tiếp tục vay của G 70.000.000 đồng, trả góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp 3.500.000 đồng.

Như vậy, G đã cho anh Triết đã vay tiền góp với lãi suất 0.83%/ 01 ngày, tương đương 300%/ 01 năm là gấp 15 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự. Tính đến thời điểm bị phát hiện, anh Triết đã tắt toán khoản vay này và đóng cho G 14.000.000 đồng tiền lãi.

Như vậy, số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 940.800 đồng; số tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 13.059.200 đồng. G đã thu lợi bất chính nhiều lần từ việc cho anh Triết vay tiền góp, với tổng số tiền thu lợi bất chính là 13.059.200 đồng.

+ Đến ngày 05/9/2020, anh Triết tiếp tục vay của G 70.000.000 đồng, trả góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp 3.500.000 đồng.

Như vậy, G đã cho anh Triết đã vay tiền góp với lãi suất 0.83%/ 01 ngày, tương đương 300%/ 01 năm là gấp 15 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự. Tính đến thời điểm bị phát hiện, anh Triết đã đóng cho G được 05 ngày với tổng số tiền 17.500.000 đồng là bao gồm 14.583.333 đồng tiền gốc và 2.916.667 đồng tiền lãi.

Như vậy, số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 196.000 đồng; số tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 2.720.667 đồng. G đã thu lợi bất chính nhiều lần từ việc cho anh Triết vay tiền góp, với tổng số tiền thu lợi bất chính là 2.720.667 đồng.

- Tổng số tiền nợ gốc mà G cho anh Triết vay góp là 210.000.000 đồng. Đến ngày 09/9/2020, khi bị lực lượng Công an phát hiện, anh Triết đã trả cho G 154.583.333 đồng tiền gốc và hiện còn nợ G 55.416.667 đồng tiền gốc. Tổng số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự mà anh Triết đã trả cho G là 2.312.800 đồng. Tổng số tiền G thu lợi bất chính từ việc cho anh Triết vay góp (bao gồm tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự và các khoản thu phí trái pháp luật khác) là 32.103.867 đồng. Trong đó, tất cả các lần thu lợi bất chính đều dưới 30.000.000 đồng.

Trong quá trình hoạt động cho vay lãi nặng, Vũ Ngọc G bị phát hiện cho 03 người vay tiền là chị Nguyễn Thị Thu T, anh Phạm Lê M và anh Nguyễn Hoàng T, với tổng số tiền cho vay là 360.000.000 đồng. Tổng số tiền G thu lợi bất chính từ hoạt động cho vay lãi nặng (bao gồm tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự và các khoản thu phí trái pháp luật khác) là 96.321.667 đồng. Trong đó, tất cả các lần thu lợi bất chính đều dưới 30.000.000 đồng.

Ngoài ra, trong quá trình lực lượng Công an tiến hành bắt quả tang Lê Văn Q, Vũ Ngọc G còn phát hiện, đưa về làm việc đối với các đối tượng Nguyễn Hữu Hiệp, Phạm Văn Thế, Nguyễn Văn Minh, Nguyễn Thanh Tùng. Kết quả xác minh, làm việc với các đối tượng này như sau:

*** Đối với Nguyễn Hữu H, Nguyễn Thanh T:**

Trong quá trình làm việc với Cơ quan điều tra, chị Nguyễn Thị Thu T tố cáo đối tượng Nguyễn Hữu Hiệp có hành vi cho vay lãi nặng, cụ thể:

Thông qua người quen giới thiệu, ngày 13/7/2020, chị T gặp H để vay tiền. Chị T ký giấy vay tiền, thế chấp cho Hiệp bản photo giấy CMND, hộ khẩu và được cho vay số tiền 15.000.000 đồng, trả góp trong vòng 25 ngày, mỗi ngày góp 750.000 đồng và phải chịu phí dịch vụ là 1.500.000 đồng.

Như vậy, H đã cho chị T đã vay tiền góp với lãi suất 1%/ 01 ngày, tương đương 365%/ 01 năm là gấp 18.25 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự. Tính đến thời điểm bị phát hiện, chị T đã tất toán khoản vay này và đóng cho Hiệp 3.750.000 đồng tiền lãi.

Như vậy, số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 210.000 đồng; số tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 3.540.000 đồng. Hiệp đã thu lợi bất chính nhiều lần từ việc cho chị T vay tiền góp, với tổng số tiền thu lợi bất chính là 5.040.000 đồng. Do đó, hành vi này của Hiệp không cấu thành tội phạm.

Đối với Nguyễn Thanh T là bạn cùng quê với H. Từ khoảng tháng 8/2020, Tùng từ quê vào thành phố Hồ Chí Minh làm thuê cho Hiệp với mức lương 3.000.000 đồng/tháng, kèm bao ăn ở. Hàng ngày, T điều khiển xe gắn máy chở Hiệp đi thu tiền của các con nợ theo yêu cầu của H. Việc H cho ai vay tiền, lãi suất vay ra sao thì Tùng không rõ. Trong ngày 10/9/2020, khi đến gặp chị T để tất toán khoản tiền vay giải ngân ngày 13/7/2020, thì Hiệp dắt theo T cùng đi. Tại nhà số 36/70/2 Nguyễn Gia T, phường Y, Quận X, sau khi H nhận số tiền do chị T đưa và định ra về thì Hiệp, Tùng bị lực lượng Công an mời về làm việc. Do đó, hành vi này của Tùng không cấu thành tội phạm.

*** Đối với Nguyễn Văn M:**

Nguyễn Văn M làm nghề chạy xe ôm công nghệ và thuê trọ tại nhà số 793/31 T, phường TH, Quận S. Khoảng tháng 7/2020, M có quen biết với Vũ Ngọc G do ở cùng

khu trọ. M có được nghe G giới thiệu bản thân làm nghề cho vay, nhưng công việc cụ thể thế nào thì Minh không rõ. Ngày 10/9/2020, G rủ M đi cùng sang quận Bình Thạnh để G lấy tiền nợ, M đồng ý. Khi đến trước hẻm 36 Nguyễn Gia Trí, phường 25, quận Bình Thạnh, G nói M đứng chờ, nếu phát hiện có Công an thì điện thoại báo cho G biết. Trong lúc M đang đứng đợi G thì bị lực lượng Công an mời về làm việc. M không biết G đi thu nợ của ai, nợ bao nhiêu tiền. G cũng không hứa hẹn sẽ trả công gì cho M. Do đó, hành vi này của Minh không cấu thành tội phạm.

*** Đối với Phạm Văn T:**

Khoảng tháng 6/2020, thông qua người bạn tên Lê Văn T thì TH có quen biết với Lê Văn Q. TH đã vài lần hùn vốn với Q để cho khách vay tiền và chia nhau lợi nhuận, nhưng Thế không có hùn tiền với Q để cho chị Nguyễn Thị Thu T vay. Khoảng đầu tháng 9/2020, Q kể cho Thế biết việc chị T có nợ tiền Q nhưng không trả và nhờ Thế gọi điện đe dọa chị T để Q đòi nợ. Đến khoảng 16 giờ ngày 10/9/2020, trong lúc Q và Thế đang cùng uống cà phê tại quận Tân Phú, thì Q tiếp tục nhờ Thế chở sang quận Bình Thạnh để Q thu tiền nợ từ chị T, Thế đồng ý. Khi đến đầu hẻm 36 Nguyễn Gia Trí, phường 25, quận Bình Thạnh thì Q kêu Thế đứng ngoài cảnh giới, nếu có Công an thì báo cho Q, còn Q vào nhà lấy tiền nợ từ chị T. Sau khi Q nhận số tiền do chị T đưa và định ra về thì Q, Thế bị lực lượng Công an bắt quả tang. Thế không có hưởng lợi ích gì từ việc giúp Q đòi nợ chị T.

Ngoài ra, trong quá trình làm việc ban đầu với Cơ quan điều tra, Vũ Ngọc G còn khai khi G hoạt động cho vay lãi nặng thì có Bùi Tiến D giới thiệu khách để G cho vay. Nếu G không đủ tiền cho vay thì D cho G vay tiền với lãi suất 2.000 đồng/ vốn vay 1.000.000 đồng/ 01 ngày để G đi cho vay lại.

Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp tiệm cầm đồ “D Hải Phát” địa chỉ số 119 Lê Q Định, phường 14, quận Bình Thạnh và đưa Bùi Tiến D, Nguyễn Đức Mạnh về trụ sở làm việc.

*** Đối với Bùi Tiến D:**

Bùi Tiến D là người đại diện theo pháp luật, giám đốc Công ty TNHH DHP chuyên kinh doanh dịch vụ cầm đồ tại địa chỉ số 119 Q, phường R, quận B. Khoảng tháng 4/2020, thông qua bạn bè bên ngoài xã hội, D có quen biết với Vũ Ngọc G. Đến khoảng giữa tháng 8/2020, G có đến hỏi mượn D số tiền 15.000.000 đồng không tính lãi suất. Ngoài ra, D không thừa nhận việc cho G vay tiền lấy lãi, cũng như việc giới thiệu khách để G cho vay lấy lãi.

Đối với các tài liệu thu giữ tại nhà D có nội dung liên quan đến việc cầm cố, cho vay thì D không thừa nhận là của bản thân và cũng không rõ là của ai. D khai trước đây có một số người đồng hương (không rõ lai lịch) vào làm thuê cho D và được cho ở tại nhà D.

Nhưng sau đó những người này trộm cắp tài sản của D nên đã bị D cho nghỉ việc. Có thể các giấy tờ bị thu giữ là của những người này bỏ lại.

Tiến hành làm việc lại với Vũ Ngọc G thì G thay đổi lời khai, G khai thống nhất với D về việc có 01 lần D cho G mượn số tiền 15.000.000 đồng không tính lãi suất. Ngoài ra, D không có giới thiệu khách để G cho vay và G cũng không có vay tiền của D để đi cho vay lại.

*** Đối với Nguyễn Đức Mạnh:**

Nguyễn Đức Mạnh khai có quen biết với Bùi Tiến D từ khi bản thân hành nghề buôn bán quán ăn tại tỉnh Nam Định. Đến khoảng cuối tháng 8/2020, do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên Mạnh đóng cửa quán rồi đưa vợ con đến thành phố Hồ Chí Minh và ở nhờ nhà D để đợi tìm địa điểm mở quán ăn. Mạnh chỉ biết D kinh doanh cầm đồ. Ngoài ra, D có làm thêm nghề gì khác thì Mạnh không biết.

Khoảng 16 giờ ngày 12/9/2020, khi Mạnh cùng con trai đang ở trong phòng tại lầu 1 nhà 119 Lê Q Định, phường 14, quận Bình Thạnh thì lực lượng Công an đến khám xét, rồi phát hiện, thu giữ trong phòng này 01 quyển vở tập học sinh có ghi “*sổ họ khách * Phương Mạnh*”, bên trong có 02 trang ghi ngày tháng và số tiền. Mạnh khai đây là sổ của vợ tên Trần Mỹ Linh dùng để ghi các dây hụi, chứ Mạnh không có liên quan đến hoạt động cho vay nặng lãi.

Về vật chứng thu giữ:

+ Thu giữ của Lê Văn Q:

- 01 điện thoại di động Iphone Xs Max màu vàng và 01 điện thoại di động Nokia màu đen trắng. Đây là tài sản của Q sử dụng trong hoạt động cho vay lãi nặng.

- 01 ví da màu đen bên trong có số tiền 2.500.000 đồng và 01 CMND số 162748242 tên Lê Văn Q. Đây là tài sản cá nhân của Q, không liên quan đến hoạt động cho vay lãi nặng.

- Số tiền 110.000.000 đồng thu giữ trên người Q. Đây là tiền mà chị Nguyễn Thị Thu T trả nợ cho Q trong ngày 10/9/2020. Q khai nhận từ chị T số tiền 119.500.000 đồng, nhưng trong quá trình bị bắt quả tang đã làm rơi mất số tiền 9.500.000 đồng.

- 03 tờ giấy xác nhận vay tiền ngày 08/6/2020, ngày 12/6/2020 và ngày 02/7/2020, tên người vay là Nguyễn Thị Thu T.

- 01 sổ hộ khẩu photo sao y và 01 hộ chiếu của chị Nguyễn Thị Thu T.

- Thu trong quá trình khám xét nơi ở của Lê Văn Q tại số 162/35E Nguyễn Duy Cung, phường 12, Quận Gò Vấp:

- 01 thùng bằng giấy các tông bên trong chứa nhiều tờ rơi cho vay.

- 01 tờ giấy mượn tiền tên Võ Việt P; 01 tờ giấy mượn tiền tên Từ Ngọc Khánh L; 02 tờ giấy mượn tiền tên Huỳnh Quan Đỉnh kèm 01 giấy CMND tên Đỉnh; 01 tờ giấy mượn tiền tên Phạm Thống N; 01 cuốn tập bên trong ghi nội dung tính tiền lãi vay (đang lưu theo hồ sơ vụ án).

- 08 hóa đơn mua vàng tại tiệm vàng Kim Ngân; 01 hóa đơn mua vàng tại tiệm vàng Kim phát; 01 giấy nộp tiền tại ngân hàng Sacombank mang tên Lục Thị Tuyết; 02 giấy nộp tiền tại ngân hàng Vietcombank mang tên Lục Thị Tuyết; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 59S2-793.95 mang tên Lưu Hoàng Tiến Trung (đã tiến hành xác minh được biết anh Trung không có mặt ở nơi cư trú, đi đâu không rõ); 01 bóp nữ bên trong có 01 CMND tên Lục Thị Tuyết và số tiền 9.000.000 đồng. Q khai các giấy tờ, tài sản trên là của bạn gái tên Lục Thị Tuyết (sinh năm 1985, ngụ tại xã Nghĩa Tâm, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái). Hiện Cơ quan điều tra chưa tìm được chị Tuyết để làm rõ nguồn gốc các giấy tờ, tài sản này nên tách ra để tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

- 01 xe gắn máy hiệu Wave Alpha biển số 59K2-179.89 và 01 giấy bán xe biển số 59K2-179.89. Qua xác minh được biết xe này do bà Đặng Mỹ Trang đứng tên đăng ký. Bà Trang khai bản thân mua xe trên và sử dụng từ năm 2017 đến năm 2019 thì bán lại cho 01 người đàn ông là cò xe (không rõ lai lịch) bằng hình thức giấy tay. Q khai mượn xe này của mượn của người bạn tên Phạm Văn Nhất (chưa rõ lai lịch) sử dụng để đi lại. Hiện Cơ quan điều tra chưa tìm làm việc được với người tên Nhất, tiến hành đăng báo nhưng chưa có ai đến tranh chấp, nên tách ra để tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

+ Thu của Vũ Ngọc G:

- 01 điện thoại di động Masstel màu xanh, số imei: 352377070369794, sim số 0931143226 và 01 điện thoại di động Iphone 6 plus màu trắng, số imei: 352050070962104, sim số 0941886226: Đây là tài sản của G sử dụng trong hoạt động cho vay lãi nặng.

- Số tiền 47.500.000 đồng. Đây là tiền mà chị Nguyễn Thị Thu T trả nợ cho G trong ngày 10/9/2020.

- 01 xe ô tô hiệu Hyunhdai Santafe màu đen biển số 51H – 151.71. Qua xác minh được biết xe này do bà Phạm Thị Lý đứng tên đăng ký. Ngày 10/9/2020, G mượn xe này của bà Lý, nói là để đi công việc. Sau đó, G điều khiển xe đến gặp chị Nguyễn Thị Thu T để lấy tiền vay thì bị bắt. Việc G hoạt động cho vay lãi nặng và sử dụng xe ô tô để đi thu hồi nợ thì bà Lý hoàn toàn không biết. Hiện Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe ô tô này cho bà Phạm Thị Lý.

+ Thu của Nguyễn Hữu Hiệp:

- Số tiền 15.500.000 đồng thu ở túi quần sau bên phải.

- Số tiền 2.100.000 đồng thu bên trong ví ở túi quần sau bên trái.

- 01 điện thoại di động Nokia 3310 màu tím, số seri 1: 357715105509865, số seri 2: 357715106509864. Qua kiểm tra phát hiện có 02 tin nhắn liên quan đến việc vay mượn tiền.

- 01 điện thoại di động Iphone Xs màu gold, số imei: 353170103157180. Qua kiểm tra không phát hiện dữ liệu liên quan đến hoạt động cho vay.

- 01 tờ giấy tập học sinh ghi ngày 13/7/2020 về việc nhận đủ số tiền 18.750.000 đồng có chữ ký xác nhận của bà Nguyễn Thị Thu T.

- Thu của Nguyễn Văn Minh:

+ 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A10S màu đen, số imei 1: 358176100347232, số imei 2: 358177100347230;

+ 01 giấy CMND số 352153795 tên Nguyễn Văn Minh;

+ Số tiền 170.000 đồng.

- Thu của Nguyễn Thanh Tùng:

+ 01 điện thoại di động Iphone X màu bạc, số imei 89840480088252558504, sim số 0963554984;

+ 01 điện thoại di động Nokia màu đen, số imei 1: 3531122111832602, số imei 2: 353112116832607, sim 1 số 0981153224; sim 2 số 0936728383;

+ 01 điện thoại di động Nokia màu trắng, số imei 356948036343317, sim số 0777775998;

+ Số tiền 1.690.000 đồng.

- Thu của Phạm Văn Thế: (bút lục: 260; 262; 313; 378)

+ 01 điện thoại di động Iphone 7 plus màu đen, số imei 356570085714253, sim số 0939983666.

+ 01 điện thoại di động Iphone Xs Max màu đen, số imei 3572660091142493, sim số 0933392678;

+ 01 bóp da màu đen bên trong có 6.000.000 đồng;

+ 01 CMND tên Phạm Văn Thế do Công an tỉnh Nam Định cấp ngày 22/4/2013;

+ 01 giấy phép lái xe số hiệu AS 656042 mang tên Phạm Văn Thế.

+ 01 xe gắn máy màu đen biển số 59S2 – 669.26. Qua xác minh được biết xe này do ông Lê Tấn Tài đứng tên đăng ký. Ông Tài khai mua xe này và sử dụng từ năm 2017 đến năm 2019 thì bán lại cho 01 người đàn ông là cò xe (không rõ lai lịch) nhưng không làm thủ tục sang tên. Thế khai mượn xe này của người bạn tên Lê Văn Tiến để làm phương tiện đi lại. Cơ quan điều tra đã tiến hành đăng báo nhưng chưa có ai đến tranh chấp.

- Thu trong quá trình khám xét nơi ở của Bùi Tiến D tại 119 Lê Q Định, Phường 14, Quận Bình Thạnh:

Tại ban công tầng 3 tiếp giáp mái tôn nhà 117 Lê Q Định phát hiện:

+ 01 quyển tập học sinh có nội dung ghi tên và số tiền cùng một giấy mượn tiền của Bùi Hữu Hiền, người cho mượn tiền là Nguyễn Đức Mạnh.

Tại tủ sắt trong phòng ở lầu 2 phát hiện:

+ 01 giấy nhận tiền của Nguyễn Tư Hưng cùng hộ chiếu Nguyễn Tư Hưng, người cho vay ghi tên Công ty TNHH D Hải Phát (số tiền 12.000.000 đồng).

+ 01 giấy mượn tiền của Trần Quỳnh Bảo Thơ, 01 giấy căn cước công dân và một giấy phép lái xe cùng mang tên Trần Quỳnh Bảo Thơ, người cho mượn tiền là anh Ngọc (số tiền 7.200.000 đồng).

+ 01 giấy mượn tiền của Nguyễn Văn Tài, người cho mượn là anh D (số tiền 4.800.000 đồng).

+ 01 giấy mượn tiền của Bùi Hữu Hiền cùng bản photo CMND của Hiền, người cho mượn tiền là Đáng/hoặc Đông (số tiền 10.000.000 đồng).

+ 01 giấy nhận tiền của Nguyễn Minh Thắng, người giao tiền là anh D (số tiền 20.000.000 đồng).

+ 02 giấy nhận tiền của Nguyễn Thị Hữu Hạnh, người cho mượn tiền là Nguyễn Tùng Lâm và G (01 giấy vay 10.000.000 đồng, 01 giấy vay 5.000.000 đồng).

+ 01 hộ chiếu tên Huỳnh Lê Ngọc Nhân;

Tại kệ sách lầu 2 phát hiện:

+ 01 quyển tập quyền tập học sinh có nội dung ghi số tiền và ngày (không ghi tên người vay, người cho vay).

Tại chân cầu thang tầng trệt phát hiện:

+ 01 Hợp đồng vay tiền của Đinh Trọng Nghĩa, người cho vay tiền là Nguyễn Hoàng Việt (số tiền 1.100.000.000 đồng).

Tại phòng khách tầng trệt phát hiện:

+ 10 bản Hợp đồng mua bán xe máy, trong đó người bán xe là Nguyễn Linh Đa và Nguyễn Q Huy, người mua gồm: Nguyễn Đức Thắng, Chương Huê Tú, Phạm Thị Kim Ngân, Trần Thị Thủy (02 bản), Ôn Phi Cường, Đỗ Minh Khánh, Phạm Thị Cẩm Lệ (02 bản) và Trần Thị Thu Thủy.

+ 04 giấy ủy quyền (mức thù lao và hứa thưởng), bên ủy quyền là Giám đốc Công ty TNHH Đồng Thạnh tên Phạm Thị Tuyết Phương, bên được ủy quyền là Bùi Tiến D. Nội dung ủy quyền là liên hệ Chi cục Thi hành án huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu yêu cầu ông Trần Anh Tuấn trả số tiền 7.170.795.612 đồng.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh ghi lời khai 16 người liên quan đến hợp đồng vay nợ, thuê xe thu được khi khám xét tiệm cầm đồ D Hải Phát, địa chỉ 119 Lê Q Định, phường 14, quận Bình Thạnh của Bùi Tiến D, kết quả như sau:

Có 10 người có hộ khẩu nhưng bán nhà chuyển đi đâu không rõ hoặc không thực tế cư ngụ tại địa chỉ ghi trên hợp đồng đã thu được. Cụ thể: (bút lục: 182a)

1. Trần Thị Thủy, sinh năm 1965, ngụ tại 174 Âu Cơ, phường 9, quận Tân Bình. Kết quả tại địa chỉ trên không có ai tên Trần Thị Thủy cư ngụ. (bút lục: 346)

2. Phạm Thị Cẩm Lệ, sinh năm 1976, ngụ tại: 10F Bis Cư xá Đồng Tiến, phường 14, quận 10. Kết quả đương sự Lệ có đăng ký hộ khẩu tại địa phương nhưng thực tế không cư ngụ, hiện đương sự Lệ ở đâu không rõ. (bút lục: 347)

3. Nguyễn Văn Tài, sinh năm 1992, ngụ tại 548/39/21 Điện Biên Phủ, phường 21, quận Bình Thạnh. Kết quả Nguyễn Văn Tài đã bán nhà, chuyển đi đâu không rõ. (bút lục: 345)

4. Nguyễn Thị Hữu Hạnh, sinh năm 1980, ngụ tại số 9 lô B, Nguyễn Văn Quỳ, phường Phú Thuận, quận 7. Kết quả tại địa chỉ trên không có ai tên Hạnh cư ngụ.

5. Đinh Trọng Nghĩa, ngụ tại 232/17/1 QL13, phường 26, quận Bình Thạnh. Kết quả đương sự Nghĩa đã bán nhà chuyển đi đâu không rõ. (bút lục: 344)

6. Nguyễn Minh Thắng, sinh năm 1991, ngụ tại 135F Mai Chí Thọ, phường An Phú, Quận 2. Kết quả tại địa chỉ trên không có ai tên Thắng cư ngụ.

7. Trần Thị Thủy; SN: 1965; ngụ tại 1704 Âu Cơ, phường 10, quận Tân Bình. Kết quả Công an phường 10, quận Tân Bình trả lời trên địa bàn không có địa chỉ 1704 Âu Cơ, phường 10, quận Tân Bình. (bút lục: 349)

8. Phạm Thị Kim Ngân, sinh năm 1994, ngụ tại: 166/8 Bình Thới, phường 14, quận 11. Kết quả đương sự đã chuyển đi về A6/11/166 ấp 1, xã Vĩnh Lộc B, Huyện Bình Chánh. Tiếp tục xác minh tại xã Vĩnh Lộc B, Huyện Bình Chánh thì địa phương không có địa chỉ trên. (bút lục: 341-342)

9. Trần Huỳnh Bảo Thơ, ngụ tại 107/5/9 Ngô Đức Kế, phường 12, quận Bình Thạnh; Tạm trú: 69 đường số 18, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức. Kết quả xác minh tại phường 12, quận Bình Thạnh đương sự Thơ đã bán nhà đi đâu không rõ. Xác minh tại quận Thủ Đức được biết không có ai tên Thơ có lai lịch như trên cư ngụ.

10. Bùi Hữu Hiền, ngụ tại: 251/60C Lê Q Định, phường 7, quận Bình Thạnh. Kết quả tại địa chỉ trên không có ai tên Hiền cư ngụ. (bút lục: 340)

Có 5 người có tên trong hợp đồng vay tiền nhưng thực tế không vay gồm:

1. Đỗ Minh Khánh, sinh năm 1989, ngụ tại 536/32/17/10 Âu Cơ, phường 10, quận Tân Bình. Anh Khánh trình bày không đứng tên hợp đồng cầm đồ với tiệm cầm đồ

D Hải Phát, không vay mượn bất kỳ ai. Năm 2016, anh Khánh có cầm đồ 01 giấy đăng ký xe biển số 59P2-351.25 tại tiệm cầm đồ D Hải Phát, địa chỉ 288C Âu Cơ, phường 10, quận Tân Bình với giá 1.000.000 đồng. Sau 01 tháng thì anh Khánh tới chuộc lại giấy đăng ký xe với số tiền là 1.500.000 đồng. Tiệm cầm đồ này của Bùi Tiến D mở tuy nhiên đã dừng hoạt động từ tháng 5/2020. Đối với hợp đồng trong khi khám xét thu được thì anh Khánh xác nhận mình không đứng tên, chữ ký trên hợp đồng không phải của anh. (bút lục: 327-329)

2. Nguyễn Tư Hưng, sinh năm 1993, ngụ tại 12/14/19 Hoàng Hoa Thám, phường 7, quận Bình Thạnh. Kết quả anh Hưng cho biết khoảng tháng 02/2019, qua tìm hiểu trên mạng anh Hưng có đến tiệm cầm đồ “D Hải Phát”, địa chỉ 288C Âu Cơ, phường 10, quận Tân Bình vay số tiền 10.000.000 đồng trả góp trong vòng 40 ngày, mỗi ngày góp 300.000 đồng (Qua xác minh tiệm này đã ngưng hoạt động từ tháng 5/2020). Người cho vay tên Thành, sử dụng sdt 0972038166 và 0933008023. Anh Hưng phải trả phí làm hồ sơ 500.000 đồng (tương đương 10% số tiền vay), góp trước một ngày tương đương 300.000 đồng, số tiền thực tế anh Hưng nhận là 9.200.000 đồng và phải thế chấp giấy CMND. Sau khi trả xong tiền vay, đến khoảng tháng 02/2020, anh Hưng tiếp tục vay số tiền 10.000.000 đồng (thực nhận 9.200.000 đồng) với phương thức như trên và phải thế chấp lại hộ chiếu của anh Hưng. Thời điểm đó do tình hình dịch bệnh không làm ăn được nên anh Hưng không khả năng góp cho phía cho vay. Ngày 28/8/2020, anh Hưng điện thoại xin người tên Thành cho trả số tiền 10.000.000 đồng và không phải trả lãi thì Thành đồng ý. Anh Hưng đã trả xong hết nợ cho Thành nhưng chưa nhận lại hộ chiếu của mình. (bút lục: 324-326; 381).

3. Trần Thị Thu Thủy, sinh năm 1961, ngụ tại 254/98/11J Âu Cơ, phường 9, quận Tân Bình. Qua làm việc, chị Thủy khai không đứng tên hợp đồng mua bán xe Honda nào với tiệm cầm đồ địa chỉ số 119 Lê Q Định, phường 14, quận Bình Thạnh, chữ ký trong hợp đồng không phải của chị Thủy. Khoảng đầu năm 2019, chị Thủy có bị mất CMND và cà vẹt xe. (bút lục: 330-332)

4. Nguyễn Đức Thắng, sinh năm 1987, ngụ tại 70/6A đường số 10, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân. Kết quả anh Thắng khai từ trước tới nay anh không vay mượn tiền của ai, thông tin trong hợp đồng là đúng nhưng chữ ký trong hợp đồng không phải của anh Thắng. Vào tháng 3/2020, anh Thắng bị mất căn cước công dân và cà vẹt xe. (bút lục: 334-336)

5. Chương Huê Tú, sinh năm 1974, ngụ tại 231 Âu Cơ, phường 10, quận Tân Bình. Kết quả chị Tú trình bày từ trước tới nay chị không vay mượn làm hợp đồng mua bán với ai, chữ ký trong hợp đồng không phải là chữ ký của chị Tú. (bút lục: 337-339)

Đối với các đồ vật, tài liệu thu giữ của các đối tượng Nguyễn Hữu Hiệp, Nguyễn Văn Minh, Nguyễn Thanh Tùng, Phạm Văn Thế và Bùi Tiến D. Hiện Cơ quan điều tra chưa xác minh được nguồn gốc và xét thấy không liên quan đến việc giải quyết vụ án nên Cơ quan điều tra tách ra để tiếp tục điều tra xác minh làm rõ xử lý sau.

Tại bản Cáo trạng số: 09/CT-VKSBTTh ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh đã truy tố bị cáo Lê Văn Q về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Truy tố bị cáo Vũ Ngọc G về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Lê Văn Q và Vũ Ngọc G đã khai nhận quá trình điều tra tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Bình Thạnh, các bị cáo hoàn toàn tự nguyện khai báo, không ai ép buộc các bị cáo khai không đúng với ý chí của các bị cáo. Các bị cáo Lê Văn Q và Vũ Ngọc G đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình giống như lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đồng thời các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh đã truy tố. Các bị cáo hiện nay đã có công ăn việc làm ổn định, hiện là lao động chính trong gia đình nuôi dưỡng con nhỏ và chăm sóc bố mẹ già yếu. Các bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt khi được nói lời nói sau cùng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án bà Nguyễn Thị Thu T có mặt tại phiên tòa trình bày ý kiến như sau: Bà yêu cầu các bị cáo Lê Văn Q và Vũ Ngọc G trả lại cho bà toàn bộ số tiền thu lợi bất chính theo đúng quy định của pháp luật, ngoài ra bà không có ý kiến và yêu cầu nào khác.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần. Qua nghiên cứu hồ sơ thể hiện đã ghi nhận lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên đầy đủ, rõ ràng. Do đó việc vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh thực hành quyền công tố trình bày quan điểm của Viện kiểm sát đối với vụ án, sau khi phân tích nội dung vụ án, tính chất hành vi phạm tội và hậu quả của vụ án đối với xã hội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, đã giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lê Văn Q và Vũ Ngọc G phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2, khoản 3, Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lê Văn Q từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 (hai) đến 03 (ba) năm. Đề nghị phạt bổ sung bị cáo 50.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước,

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Vũ Ngọc G từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Bình Thạnh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Văn Q và Vũ Ngọc G khai nhận đã thực hiện các hành vi như Cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo khai nhận quá trình điều tra tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Bình Thạnh, các bị cáo hoàn toàn tự nguyện khai báo, không bị ép buộc khai không đúng với ý chí của các bị cáo. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, biên bản hỏi cung bị can, biên bản đối chất, biên bản thu giữ vật chứng, cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 11/4/2020 đến ngày 10/9/2020 bị cáo Lê Văn Q và Vũ Ngọc G cùng có hành vi cho vay và thu tiền lãi trên địa bàn quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Giữa bị cáo Lê Văn Q và Vũ Ngọc G hoạt động cho vay mang tính độc lập, cá nhân, không chung vốn, không phân chia lợi nhuận, thông qua hình thức dán tờ rơi, quảng cáo trên mạng. Hình thức cho vay là trả góp (là loại hình vay mà tiền nợ gốc, tiền lãi được chia nhỏ, trả định kỳ) và vay tiền đứng (là loại hình vay mà trả tiền lãi định kỳ, sau đó mới thanh toán tiền nợ gốc, tiền lãi của kỳ cuối).

[4] Đối với bị cáo Lê Văn Q đã có hành vi cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu T vay nhiều lần dưới hai hình thức là vay góp và vay đứng từ ngày 11/4/2020 đến ngày 10/9/2020 tổng số tiền 340.000.000 đồng với các mức lãi. Đối với vay trả góp lãi suất 20%/ tháng, tương đương 0,67%/ngày và 240%/năm, gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật dân sự 2015. Đối với vay đứng với lãi suất 1,0% đến 1,5%/ngày tương đương với 30% đến 45%/tháng và 360% đến 540%/năm, gấp 18.25 đến 27 lần mức lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự 2015. Bị cáo Lê Văn Q đã thu được tổng cộng 115.550.000 đồng tiền lãi và các khoản phí trái pháp luật. Trong đó,

số tiền lãi theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự là 6.546.400 đồng; số tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự là 109.003.600 đồng. Do đó, số tiền Lê Văn Q thu lợi bất chính là 109.003.600 đồng (gồm tiền lãi và các khoản phí trái pháp luật). Chị T đã trả cho Q toàn bộ số tiền gốc đã vay là 340.000.000 đồng. Tất cả các lần thu lợi bất chính của bị cáo Lê Văn Q đều dưới 30.000.000 đồng. Nên hành vi của Lê Văn Q đã cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

[5] Đối với bị cáo Vũ Ngọc G trong khoảng thời gian từ ngày 20/6/2020 đến ngày 10/9/2020 bị cáo Vũ Ngọc G đã có hành vi cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu T; Phạm Lê M và Nguyễn Văn Triết vay như sau:

[6] Bị cáo Vũ Ngọc G đã có hành vi cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu T vay dưới hai hình thức là vay góp và vay đứng từ ngày 20/6/2020 đến ngày 05/7/2020 tổng số tiền 80.000.000 đồng. Trong đó 03 lần vay góp số tiền là 60.000.000 đồng đối với mỗi khoản vay trong thời hạn 30 ngày thì lãi suất tính lãi suất 0.67%/ 01 ngày, tương đương 240%/ 01 năm là gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự. Đối với mỗi khoản vay trong thời gian 24 ngày thì tính lãi suất 0.83%/ 01 ngày, tương đương 300%/ 01 năm là gấp 15 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự. G cho chị T vay đứng 01 lần số tiền là 20.000.000 đồng không giao hẹn thời gian tất toán, với lãi suất 1.5%/ 01 ngày, tương đương 540%/ 01 năm là gấp 27 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự. Như vậy, trong cả 04 lần vay của chị T nêu trên bị cáo Vũ Ngọc G đã thu được tổng cộng 24.900.000 đồng tiền lãi và các khoản phí trái pháp luật. Trong đó, số tiền lãi theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự là 1.467.200 đồng; số tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự là 23.732.800 đồng. Do đó, số tiền Vũ Ngọc G thu lợi bất chính là 23.732.800 đồng (gồm tiền lãi và các khoản phí trái pháp luật). Chị T đã trả cho G toàn bộ số tiền gốc đã vay là 80.000.000 đồng. Tất cả các lần thu lợi bất chính của bị cáo Vũ Ngọc G đều dưới 30.000.000 đồng

[7] Bị cáo Vũ Ngọc G cho anh Phạm Lê M vay tổng số tiền là 70.000.000 đồng. Trong đó, số tiền vay đứng là 60.000.000 đồng với mức lãi suất là 1,42%/01 ngày tương đương 510%/ 01 năm là gấp 25.5 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự. Ngoài ra Vũ Ngọc G cho anh Phạm Lê M vay đứng số tiền là 10.000.000 đồng, tiền lãi 115.000 đồng/ 01 ngày và phí dịch vụ là 200.000 đồng. Như vậy số tiền lãi là 1,15%/01 ngày, tương đương 414%/ 01 năm là gấp 20.7 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự. Như vậy, trong các lần vay anh Minh nêu trên bị cáo Vũ Ngọc G đã thu được tổng cộng 42.025.000 đồng tiền lãi và các khoản phí trái pháp luật. Trong đó, số tiền lãi theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự là 1.540.000 đồng; số tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự là 40.485.000 đồng. Do đó, số tiền Vũ Ngọc G thu lợi bất chính là 40.485.000 đồng (gồm tiền lãi và các khoản phí trái pháp luật). Anh Minh đã trả cho G số tiền gốc đã vay là 50.000.000 đồng,

số tiền gốc anh Minh còn nợ G là 20.000.000 đồng. Tất cả các lần thu lợi bất chính của bị cáo Vũ Ngọc G đều dưới 30.000.000 đồng.

[8] Bị cáo Vũ Ngọc G cho anh Nguyễn Hoàng T vay tiền trả góp làm 03 lần, mỗi lần vay 70.000.000 đồng, tổng số tiền vay là 210.000.000 đồng với 02 mức lãi suất là 0,76%/01 ngày, tương đương 240%/ 01 năm là gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự và mức lãi suất 0,83%/ 01 ngày, tương đương 300%/ 01 năm là gấp 15 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự. Như vậy, trong các lần anh Triết vay nêu trên bị cáo Vũ Ngọc G đã thu được tổng cộng 34.416.667 đồng tiền lãi. Trong đó, số tiền lãi theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự là 2.312.800 đồng; số tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự là 32.103.867 đồng. Do đó, số tiền Vũ Ngọc G thu lợi bất chính là 32.103.867 đồng. Anh Triết đã trả cho G số tiền gốc đã vay là 154.583.333 đồng, số tiền gốc anh Triết còn nợ G là 55.416.667 đồng. Tất cả các lần thu lợi bất chính của bị cáo Vũ Ngọc G đều dưới 30.000.000 đồng.

[9] Các bị cáo Lê Văn Q và Vũ Ngọc G thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm đã hoàn thành. Hành vi của bị cáo Lê Văn Q cho vay tiền với mức lãi suất cao gấp 05 lần trở lên so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự và thu lợi bất chính số tiền 109.003.600 đồng. Trong đó, tất cả các lần thu lợi bất chính đều dưới 30.000.000 đồng, hành vi của bị cáo Q đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

[10] Hành vi của bị cáo Vũ Ngọc G đã cho chị T, anh Minh, anh Triết vay tiền với mức lãi suất cao gấp 05 lần trở lên so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự và thu lợi bất chính tổng cộng là 96.321.667 đồng. Trong đó, tất cả các lần thu lợi bất chính đều dưới 30.000.000 đồng. Hành vi của G đã cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự. Do đó, việc truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[11] Hành vi của các bị cáo Lê Văn Q và Vũ Ngọc G là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, do đó cần xem xét xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mới đủ sức răn đe và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[12] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo Lê Văn Q và Vũ Ngọc G: Các bị cáo Lê Văn Q và Vũ Ngọc G không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[13] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo bị cáo Lê Văn Q và Vũ Ngọc G có thái độ thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo có nhân thân tốt phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm

trọng. Các bị cáo hiện nay có việc làm ổn định và là lao động chính trong gia đình nuôi con nhỏ và chăm sóc bố mẹ đã lớn tuổi. Bị cáo Vũ Ngọc G có thời gian đi nghĩa vụ quân sự tại Trung đoàn 375 Bộ tư lệnh cảnh vệ. Do đó, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ cho mỗi bị cáo một phần hình phạt thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[14] Về quyết định hình phạt:

Các bị cáo Lê Văn Q và Vũ Ngọc G có nhân thân tốt, hành vi phạm tội đơn lẻ, không thuộc trường hợp có tổ chức và băng nhóm, không có tính chất chuyên nghiệp, trên cơ sở xem xét toàn diện nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất hành vi phạm tội của bị cáo. Thấy rằng, các bị cáo lần đầu tiên phạm tội ít nghiêm trọng, động cơ, mục đích phạm tội là vụ lợi. Các bị cáo Lê Văn Q và Vũ Ngọc G hiện nay đều có công việc làm ổn định, đều đang nuôi con nhỏ là lao động chính trong gia đình, các bị cáo có công việc làm ổn định, quá trình tại ngoại để điều tra bị cáo bị cáo Lê Văn Q và Vũ Ngọc G luôn chấp hành tốt các quy định của pháp luật, không vi phạm pháp luật nào khác, hiện các bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng.

[15] Xét thấy, quá trình điều tra các bị cáo đã bị tạm giữ và sau đó thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo đã thật sự ăn năn hối cải, đã nhận thức được việc làm của mình là sai trái và vi phạm pháp luật và cam kết sẽ không bao giờ tái phạm. Xét thấy, không cần thiết phải cách ly bị cáo Lê Văn Q ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mà bị cáo Lê Văn Q có khả năng tự cải tạo, việc cho bị cáo hưởng án treo không nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên cho bị cáo Lê Văn Q hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách với bị cáo cũng có tác dụng cải tạo, giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung trong hội. Ngoài ra cũng tạo điều kiện cho bị cáo ở ngoài tiếp tục làm ăn lương thiện, nuôi con nhỏ và chăm sóc gia đình.

[16] Đối với bị cáo Vũ Ngọc G có nhân thân tốt, hành vi phạm tội đơn lẻ, không thuộc trường hợp có tổ chức và băng nhóm, không có tính chất chuyên nghiệp, bị cáo lần đầu tiên phạm tội ít nghiêm trọng, động cơ, mục đích phạm tội là vụ lợi. Bị cáo Vũ Ngọc G phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự có mức hình phạt từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm. Căn cứ vào nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì xem xét áp dụng nghiêm khắc hình phạt tiền là hình phạt chính. Do đó, để đảm bảo tuân thủ nguyên tắc và nhằm thu hồi các khoản tiền vi phạm cho Ngân sách Nhà nước, Hội đồng xét xử thấy cần thiết áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính với bị cáo Vũ Ngọc G cũng đủ sức răn đe, giáo dục, tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[17] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo phạm tội xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực tiền tệ. Theo quy định tại khoản 3 Điều

201 Bộ luật hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền. Do đó phạt bổ sung bị cáo Lê Văn Q 50.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước. Đối với bị cáo Vũ Ngọc G Hội đồng xét xử đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền, do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo.

[18] Đối với các đối tượng có liên quan trong hồ sơ vụ án, quá trình điều tra đã kết luận và Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh đã kết luận như sau:

Đối với Nguyễn Hữu Hiệp, vào ngày 13/7/2020, Hiệp có hành vi cho chị Nguyễn Thị Thu T vay tiền với lãi suất tương đương 365%/ 01 năm là gấp 18.25 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự. Tổng số tiền Hiệp thu lợi bất chính từ việc cho chị T vay tiền là 5.040.000 đồng. Do đó, hành vi này của Hiệp không cấu thành tội phạm.

Đối với Nguyễn Thanh Tùng là người làm thuê cho Nguyễn Hữu Hiệp. Vào ngày 10/9/2020, Tùng có hành vi đi cùng Hiệp đến nhà chị Nguyễn Thị Thu T, rồi đợi Hiệp thu tiền nợ của chị T. Do đó, hành vi này của Tùng không cấu thành tội phạm.

Đối với Nguyễn Văn Minh có mối quan hệ bạn bè quen biết với Vũ Ngọc G. Vào ngày 10/9/2020, Minh có hành vi đi cùng G đến nhà chị Nguyễn Thị Thu T, rồi được G nhờ đứng ngoài cảnh giới trong lúc G vào gặp, thu tiền nợ của chị T, nếu phát hiện có Công an thì điện thoại báo cho G biết. Minh không biết G đi thu nợ của ai, nợ bao nhiêu tiền, không thỏa thuận bàn bạc gì với G. G cũng không hứa hẹn sẽ trả công gì cho Minh. Do đó, hành vi này của Minh không cấu thành tội phạm.

Đối với Phạm Văn Thế có mối quan hệ bạn bè quen biết với Lê Văn Q và có vài lần hùn vốn với Q để cho khách vay lấy lãi. Khoảng đầu tháng 9/2020, Q kể cho Thế biết là chị Nguyễn Thị Thu T có nợ tiền Q nhưng không trả, nên Thế đồng ý gọi điện thoại đòi tiền chị T để chị T trả tiền cho Q. Đến ngày 10/9/2020, Thế có hành vi đi cùng Q đến nhà chị Nguyễn Thị Thu T, rồi được Q nhờ đứng ngoài cảnh giới trong lúc Q vào gặp, thu tiền nợ của chị T, nếu phát hiện có Công an thì điện thoại báo cho Q biết. Tuy nhiên, Thế không hùn tiền với Q để cho chị T vay và Q cũng không có hứa hẹn trả công cho Thế khi tham gia đòi nợ chị T. Do đó, hành vi này của Thế không cấu thành tội phạm.

Đối với Bùi Tiến D có mối quan hệ bạn bè quen biết với Vũ Ngọc G nhưng cả G và D đều khai D không có liên quan đến hoạt động cho vay lãi nặng của G. Ngoài ra, quá trình khám xét khẩn cấp nơi ở của D có phát hiện nhiều đồ vật, tài liệu liên quan đến hoạt động cho vay lãi, nhưng hiện chưa làm rõ được nguồn gốc các đồ vật, tài liệu này. Do đó, hiện chưa có cơ sở xem xét xử lý hình sự đối với D. Cơ quan điều tra đã quyết định tách riêng các vật chứng này để tiếp tục làm rõ, nếu có cơ sở sẽ xem xét xử lý sau.

Đối với Lục Thị Tuyết là bạn gái của Lê Văn Q. Quá trình điều tra chưa phát hiện Tuyết có dấu hiệu cấu kết, tham gia giúp sức với Q trong hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Hiện Tuyết ở đâu không rõ, chưa làm việc được. Do đó, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh truy tìm để tiếp tục làm rõ, nếu có cơ sở sẽ xem xét xử lý sau.

[19] Kiến nghị, đề xuất: Quá trình thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh đã trả hồ sơ điều tra bổ sung cho Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh để điều tra xác minh làm rõ hành vi của đối tượng tên Bùi Tiến D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác trong vụ án, nếu có vi phạm pháp luật hình sự thì giải quyết theo quy định của pháp luật hình sự. Tuy nhiên, đến nay Cơ quan điều tra chưa làm rõ được, đã triệu tập ông Bùi Tiến D lên làm việc nhưng đều vắng mặt, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định truy tìm nhưng đến nay chưa có kết quả, do đó kiến nghị các cơ quan tiến hành tố tụng tiếp tục xác minh, điều tra để làm rõ hành vi đối tượng tên Bùi Tiến D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác trong vụ án, nếu vi phạm pháp luật hình sự thì giải quyết theo quy định, nhằm tránh bỏ lọt tội phạm.

[20] Biện pháp tư pháp:

[21] Đối với số tiền gốc các bị cáo đã nhận lại từ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được xác định đây là phương tiện phạm tội, nên cần tịch thu, nộp vào Ngân sách Nhà nước. Do đó, khoản tiền gốc đã được người liên quan trả cho các bị cáo, thì các bị cáo phải có trách nhiệm nộp vào ngân sách. Khoản tiền gốc nào người liên quan chưa trả cho các bị cáo thì cần buộc người liên quan đó phải có trách nhiệm nộp vào Ngân sách Nhà nước. Cụ thể:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu T đã trả lại số tiền gốc cho bị cáo Lê Văn Q tổng cộng là 340.000.000 đồng, do đó bị cáo Lê Văn Q có trách nhiệm nộp lại số tiền 340.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu T đã trả lại số tiền gốc cho bị cáo Vũ Ngọc G tổng cộng là 80.000.000 đồng. Do đó bị cáo Vũ Ngọc G có trách nhiệm nộp lại số tiền 80.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Bị cáo Vũ Ngọc G cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Lê M vay tổng cộng 70.000.000 đồng, trong đó người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Minh đã trả lại số tiền gốc cho bị cáo Vũ Ngọc G tổng cộng là 50.000.000 đồng, anh Minh còn nợ G số tiền gốc là 20.000.000 đồng. Do đó, bị cáo Vũ Ngọc G có trách nhiệm nộp lại số tiền gốc là 50.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Lê M có trách nhiệm nộp lại số tiền gốc là 20.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Bị cáo Vũ Ngọc G cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoàng T vay tổng cộng 210.000.000 đồng, trong đó người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Triết đã trả lại số tiền gốc cho bị cáo Vũ Ngọc G tổng cộng là 154.583.333 đồng, anh Triết còn nợ G số tiền gốc là 55.416.667 đồng. Do đó, bị cáo Vũ Ngọc G có trách nhiệm nộp lại số tiền gốc là 154.583.333 đồng để sung công quỹ Nhà nước. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoàng T có trách nhiệm nộp lại số tiền gốc là 55.416.667 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

[22] Đối với khoản tiền thu lợi bất chính xác định những người vay tiền đều vay tiền với mục đích hợp pháp. Do đó, cần buộc các bị cáo có trách nhiệm trả lại khoản tiền thu lợi bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Cụ thể:

Buộc bị cáo Lê Văn Q cho trách nhiệm trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu T số tiền thu lợi bất chính đã nhận là 109.003.600 đồng (Một trăm lẻ chín triệu không trăm lẻ ba ngàn, sáu trăm đồng).

Buộc bị cáo Vũ Ngọc G cho trách nhiệm trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu T số tiền thu lợi bất chính đã nhận là 23.732.800 đồng (Hai mươi ba triệu bảy trăm ba mươi hai ngàn tám trăm đồng).

Buộc bị cáo Vũ Ngọc G cho trách nhiệm trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Lê M số tiền thu lợi bất chính đã nhận là 40.485.000 đồng (Bốn mươi triệu bốn trăm tám mươi lăm ngàn đồng).

Buộc bị cáo Vũ Ngọc G cho trách nhiệm trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị anh Nguyễn Hoàng T số tiền thu lợi bất chính nhận là 32.103.867 đồng (Ba mươi hai triệu một trăm lẻ ba ngàn tám trăm sáu bảy đồng).

[23] Đối với khoản tiền lãi bị cáo đã thu trong phạm vi pháp luật cho phép, theo mức cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) thì cần buộc bị cáo nộp để sung công quỹ Nhà nước, vì đây là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội. Cụ thể:

Buộc bị cáo Lê Văn Q nộp lại số tiền lãi theo mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật dân sự mà chị T đã trả cho bị cáo là: 6.546.400 đồng (Sáu triệu năm trăm bốn mươi sáu ngàn bốn trăm đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo Vũ Ngọc G nộp lại số tiền lãi theo mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật dân sự mà chị T đã trả cho bị cáo là: 1.467.200 đồng (Một triệu bốn trăm sáu mươi bảy ngàn hai trăm đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo Vũ Ngọc G nộp lại số tiền lãi theo mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật dân sự mà anh Phạm Lê M đã trả cho bị cáo là: 1.540.000 đồng (Một triệu năm trăm bốn mươi ngàn đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo Vũ Ngọc G nộp lại số tiền lãi theo mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật dân sự mà anh Nguyễn Hoàng T đã trả cho bị cáo là: 2.312.800 đồng (Hai triệu ba trăm mười hai ngàn tám trăm đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

[24] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

+ Thu giữ của Lê Văn Q:

- 01 điện thoại di động Iphone Xs Max màu vàng và 01 điện thoại di động Nokia màu đen trắng. Đây là tài sản của Q sử dụng trong hoạt động cho vay lãi nặng. Là vật chứng của vụ án, bị cáo dùng vào mục đích phạm tội, do đó Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- 01 ví da màu đen bên trong có số tiền 2.500.000 đồng và 01 CMND số 162748242 tên Lê Văn Q. Đây là tài sản cá nhân của Q, không liên quan đến hoạt động cho vay lãi nặng. Đối với số tiền 2.500.000 đồng hiện cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Bình Thạnh đã nộp tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước quận Bình Thạnh, là tài sản cá nhân của bị cáo không liên quan đến vụ án, tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục tạm giữ số tiền này để đảm bảo nghĩa vụ tài chính khi Thi hành án của bị cáo. Đối với 01 ví da màu đen không còn giá trị sử dụng, do đó Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 chứng minh nhân dân số 162748242 tên Lê Văn Q, đây là giấy tờ nhân thân của bị cáo không liên quan đến vụ án, do đó Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo theo quy định,

- Số tiền 110.000.000 đồng thu giữ trên người Q, hiện cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Bình Thạnh đã nộp tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước quận Bình Thạnh. Đây là tiền mà chị Nguyễn Thị Thu T trả nợ cho Q trong ngày 10/9/2020. Là vật chứng của vụ án, do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục tạm giữ số tiền này để đảm bảo nghĩa vụ tài chính khi Thi hành án của bị cáo.

- 03 tờ giấy xác nhận vay tiền ngày 08/6/2020, ngày 12/6/2020 và ngày 02/7/2020, tên người vay là Nguyễn Thị Thu T. Là vật chứng của vụ án, do đó Hội đồng xét xử tuyên lưu theo hồ sơ vụ án

- 01 sổ hộ khẩu photo sao y và 01 hộ chiếu của chị Nguyễn Thị Thu T. Đây là giấy tờ cá nhân của chị T, do đó Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho chị theo quy định,

- Thu trong quá trình khám xét nơi ở của Lê Văn Q tại số 162/35E Nguyễn Duy Cung, phường 12, Quận Gò Vấp:

- 01 thùng bằng giấy các tông bên trong chứa nhiều tờ rơi cho vay. Đây là vật chứng của vụ án, không còn giá trị sử dụng, do đó Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy theo quy định.

- 01 tờ giấy mượn tiền tên Võ Việt P; 01 tờ giấy mượn tiền tên Từ Ngọc Khánh L; 02 tờ giấy mượn tiền tên Huỳnh Quan Đính kèm 01 giấy CMND tên Đính; 01 tờ giấy mượn tiền tên Phạm Thống N; 01 cuốn tập bên trong ghi nội dung tính tiền lãi vay. (đang lưu theo hồ sơ vụ án). Đây không phải là vật chứng của vụ án, chưa xác định được người vay là ai, do đó Hội đồng xét xử tuyên tịch thu lưu theo hồ sơ vụ án.

- 08 hóa đơn mua vàng tại tiệm vàng Kim Ngân; 01 hóa đơn mua vàng tại tiệm vàng Kim phát; 01 giấy nộp tiền tại ngân hàng Sacombank mang tên Lục Thị Tuyết; 02 giấy nộp tiền tại ngân hàng Vietcombank mang tên Lục Thị Tuyết; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 59S2-793.95 mang tên Lưu Hoàng Tiến Trung (đã tiến hành xác minh được biết anh Trung không có mặt ở nơi cư trú, đi đâu không rõ); 01 bốp nữ bên trong có 01 CMND tên Lục Thị Tuyết và số tiền 9.000.000 đồng. Q khai các giấy tờ, tài sản trên là của bạn gái tên Lục Thị Tuyết (sinh năm 1985, ngụ tại xã Nghĩa Tâm, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái). Hiện Cơ quan điều tra chưa tìm được anh Trung và chị Tuyết để làm rõ nguồn gốc các giấy tờ, tài sản này nên tách ra để tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau. Do đó Hội đồng xét xử không xét.

Đối với số tiền thu giữ là 9.000.000 đồng bị cáo Lê Văn Q khai là của bạn gái Lục Thị Tuyết không liên quan đến vụ án, hiện cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Bình Thạnh đã nộp tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước quận Bình Thạnh, do đó Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho chị Lục Thị Tuyết theo đúng quy định.

- 01 xe gắn máy hiệu Wave Alpha biển số 59K2-179.89 và 01 giấy bán xe biển số 59K2-179.89. Qua xác minh được biết xe này do bà Đặng Mỹ Trang đứng tên đăng ký. Bà Trang khai bản thân mua xe trên và sử dụng từ năm 2017 đến năm 2019 thì bán lại cho 01 người đàn ông là cò xe (không rõ lai lịch) bằng hình thức giấy tay. Q khai mượn xe này của người bạn tên Phạm Văn Nhất (chưa rõ lai lịch) sử dụng để đi lại. Hiện Cơ quan điều tra chưa tìm làm việc được với người tên Nhất, tiến hành đăng báo nhưng chưa có ai đến tranh chấp, nên tách ra để tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau. Do đó Hội đồng xét xử không xét.

+ Thu của Vũ Ngọc G:

- 01 điện thoại di động Masstel màu xanh, số imei: 352377070369794, sim số 0931143226 và 01 điện thoại di động Iphone 6 plus màu trắng, số imei: 352050070962104, sim số 0941886226: Đây là tài sản của G sử dụng trong hoạt động cho vay lãi nặng. Là vật chứng của vụ án, bị cáo dùng vào mục đích phạm tội, do đó Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước,

- Số tiền 47.500.000 đồng. Đây là tiền mà chị Nguyễn Thị Thu T trả nợ cho G trong ngày 10/9/2020. Là vật chứng của vụ án, hiện cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Bình Thạnh đã nộp tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước quận Bình Thạnh. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục tạm giữ số tiền này để đảm bảo nghĩa vụ tài chính khi Thi hành án của bị cáo.

- 01 xe ô tô hiệu Hyunhdai Santafe màu đen biển số 51H – 151.71. Qua xác minh được biết xe này do bà Phạm Thị Lý đứng tên đăng ký. Ngày 10/9/2020, G mượn xe này của bà Lý, nói là để đi công việc. Sau đó, G điều khiển xe đến gặp chị Nguyễn Thị Thu T để lấy tiền vay thì bị bắt. Việc G hoạt động cho vay lãi nặng và sử dụng xe ô tô để đi thu hồi nợ thì bà Lý hoàn toàn không biết. Hiện Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe ô tô này cho bà Phạm Thị Lý. Do đó, Hội đồng xét xử không xét.

+ Thu của Nguyễn Hữu Hiệp:

Số tiền 15.500.000 đồng thu ở túi quần sau bên phải và thu giữ số tiền 2.100.000 đồng thu bên trong ví ở túi quần sau bên trái. Tổng cộng là: 17.600.000 đồng, hiện cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Bình Thạnh đã nộp tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước quận Bình Thạnh. Đây là tiền cá nhân của ông Nguyễn Hữu Hiệp không liên quan đến vụ án, do đó Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho ông Nguyễn Hữu Hiệp theo quy định.

- 01 điện thoại di động Iphone Xs màu gold, số imei: 353170103157180. Qua kiểm tra không phát hiện dữ liệu liên quan đến hoạt động cho vay. Đây là tiền cá nhân

của ông Nguyễn Hữu Hiệp không liên quan đến vụ án, do đó Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho ông Nguyễn Hữu Hiệp theo quy định.

- 01 điện thoại di động Nokia. Qua kiểm tra phát hiện có 02 tin nhắn liên quan đến việc vay mượn tiền, tuy nhiên không liên quan đến vụ án. Đây là tiền cá nhân của ông Nguyễn Hữu Hiệp không liên quan đến vụ án, do đó Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho ông Nguyễn Hữu Hiệp theo quy định.

- 01 tờ giấy tập học sinh ghi ngày 13/7/2020 về việc nhận đủ số tiền 18.750.000 đồng có chữ ký xác nhận của bà Nguyễn Thị Thu T. Đây không phải là vật chứng của vụ án, chưa xác định được của ai và không liên quan đến việc giải quyết vụ án, do đó Hội đồng xét xử tuyên lưu theo hồ sơ vụ án.

- Thu của Nguyễn Văn Minh:

+ Số tiền 170.000 đồng thu của Nguyễn Văn Minh. Hiện cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Bình Thạnh đã nộp tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước quận Bình Thạnh. Đây là tiền cá nhân của ông Minh không liên quan đến vụ án, do đó Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho ông Minh theo quy định.

+ Thu giữ 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A10S màu đen, số imei 1: 358176100347232, số imei 2: 358177100347230; 01 giấy CMND số 352153795 tên Nguyễn Văn Minh. Hiện cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Bình Thạnh tách ra để giải quyết riêng, nên Hội đồng xét xử không xét.

- Thu của Nguyễn Thanh Tùng:

+ Số tiền 1.690.000 đồng thu của Nguyễn Thanh Tùng. Hiện cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Bình Thạnh đã nộp tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước quận Bình Thạnh. Đây là tiền cá nhân của ông Tùng không liên quan đến vụ án, do đó Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho ông Tùng theo quy định.

+ 01 điện thoại di động Iphone X màu bạc, số imei 89840480088252558504, sim số 0963554984; 01 điện thoại di động Nokia màu đen, số imei 1: 3531122111832602, số imei 2: 353112116832607, sim 1 số 0981153224; sim 2 số 0936728383; 01 điện thoại di động Nokia màu trắng, số imei 356948036343317, sim số 0777775998. Hiện cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Bình Thạnh tách ra để giải quyết riêng, nên Hội đồng xét xử không xét.

- Thu của Phạm Văn Thế:

+ 01 bóp da màu đen bên trong có 6.000.000 đồng. Hiện cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Bình Thạnh đã nộp tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước quận Bình Thạnh. Đây là tiền cá nhân của ông Thế không liên quan đến vụ án, do đó Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho ông Thế theo quy định.

+ 01 điện thoại di động Iphone 7 plus màu đen, số imei 356570085714253, sim số 0939983666; 01 điện thoại di động Iphone Xs Max màu đen, số imei 3572660091142493, sim số 0933392678; 01 CMND tên Phạm Văn Thế do Công an tỉnh Nam Định cấp ngày 22/4/2013; 01 giấy phép lái xe số hiệu AS 656042 mang tên Phạm Văn Thế; 01 xe gắn máy màu đen biển số 59S2 – 669.26. Qua xác minh được biết xe này do ông Lê Tấn Tài đứng tên đăng ký. Ông Tài khai mua xe này và sử dụng từ năm 2017 đến năm 2019 thì bán lại cho 01 người đàn ông là cò xe (không rõ lai lịch) nhưng không làm thủ tục sang tên. Thế khai mượn xe này của người bạn tên Lê Văn Tiến để làm phương tiện đi lại. Cơ quan điều tra đã tiến hành đăng báo nhưng chưa có ai đến tranh chấp. Hiện cơ quan cảnh sát điều tra Công an quân Bình Thạnh tách ra để giải quyết riêng, nên Hội đồng xét xử không xét.

+ Thu trong quá trình khám xét nơi ở của Bùi Tiến D tại nhà 119 Lê Q Định, Phường 14, Quận Bình Thạnh như sau:

- Tại ban công tầng 3 tiếp giáp mái tôn nhà 117 Lê Q Định phát hiện: 01 quyển tập học sinh có nội dung ghi tên và số tiền cùng một giấy mượn tiền của Bùi Hữu Hiền, người cho mượn tiền là Nguyễn Đức Mạnh.

- Tại tủ sắt trong phòng ở lầu 2 phát hiện: 01 giấy nhận tiền của Nguyễn Tư Hưng cùng hộ chiếu Nguyễn Tư Hưng, người cho vay ghi tên Công ty TNHH D Hải Phát (số tiền 12.000.000 đồng); 01 giấy mượn tiền của Trần Quỳnh Bảo Thơ, 01 giấy căn cước công dân và một giấy phép lái xe cùng mang tên Trần Quỳnh Bảo Thơ, người cho mượn tiền là anh Ngọc (số tiền 7.200.000 đồng); 01 giấy mượn tiền của Nguyễn Văn Tài, người cho mượn là anh D (số tiền 4.800.000 đồng). 01 giấy mượn tiền của Bùi Hữu Hiền cùng bản photo CMND của Hiền, người cho mượn tiền là Đáng/hoặc Đông (số tiền 10.000.000 đồng); 01 giấy nhận tiền của Nguyễn Minh Thắng, người giao tiền là anh D (số tiền 20.000.000 đồng); 02 giấy nhận tiền của Nguyễn Thị Hữu Hạnh, người cho mượn tiền là Nguyễn Tùng Lâm và G (01 giấy vay 10.000.000 đồng, 01 giấy vay 5.000.000 đồng); 01 hộ chiếu tên Huỳnh Lê Ngọc Nhân;

- Tại kệ sách lầu 2 phát hiện: 01 quyển tập quyền tập học sinh có nội dung ghi số tiền và ngày (không ghi tên người vay, người cho vay).

- Tại chân cầu thang tầng trệt phát hiện: 01 Hợp đồng vay tiền của Đinh Trọng Nghĩa, người cho vay tiền là Nguyễn Hoàng Việt (số tiền 1.100.000.000 đồng).

- Tại phòng khách tầng trệt phát hiện: 10 bản Hợp đồng mua bán xe máy, trong đó người bán xe là Nguyễn Linh Đa và Nguyễn Q Huy, người mua gồm: Nguyễn Đức Thắng, Chương Huê Tú, Phạm Thị Kim Ngân, Trần Thị Thủy (02 bản), Ôn Phi Cường, Đỗ Minh khánh, Phạm Thị Cẩm Lệ (02 bản) và Trần Thị Thu Thủy; 04 giấy ủy quyền (mức thù lao và hứa thưởng), bên ủy quyền là Giám đốc Công ty TNHH Đồng Thạnh tên Phạm Thị Tuyết Phương, bên được ủy quyền là Bùi Tiến D. Nội dung ủy quyền là liên hệ Chi cục

Thi hành án huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu yêu cầu ông Trần Anh Tuấn trả số tiền 7.170.795.612 đồng.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh ghi lời khai 16 người liên quan đến hợp đồng vay nợ, thuê xe thu được khi khám xét tiệm cầm đồ D Hải Phát, địa chỉ 119 Lê Q Định, phường 14, quận Bình Thạnh của Bùi Tiến D, kết quả như sau: Có 10 người có hộ khẩu nhưng bán nhà chuyển đi đâu không rõ hoặc không thực tế cư ngụ tại địa chỉ ghi trên hợp đồng đã thu được. Cụ thể:

1. Trần Thị Thủy, sinh năm 1965, ngụ tại 174 Âu Cơ, phường 9, quận Tân Bình. Kết quả tại địa chỉ trên không có ai tên Trần Thị Thủy cư ngụ. (bút lục: 346)

2. Phạm Thị Cẩm Lệ, sinh năm 1976, ngụ tại: 10F Bis Cư xá Đồng Tiến, phường 14, quận 10. Kết quả đương sự Lệ có đăng ký hộ khẩu tại địa phương nhưng thực tế không cư ngụ, hiện đương sự Lệ ở đâu không rõ. (bút lục: 347)

3. Nguyễn Văn Tài, sinh năm 1992, ngụ tại 548/39/21 Điện Biên Phủ, phường 21, quận Bình Thạnh. Kết quả Nguyễn Văn Tài đã bán nhà, chuyển đi đâu không rõ. (bút lục: 345)

4. Nguyễn Thị Hữu Hạnh, sinh năm 1980, ngụ tại số 9 lô B, Nguyễn Văn Quỳ, phường Phú Thuận, quận 7. Kết quả tại địa chỉ trên không có ai tên Hạnh cư ngụ.

5. Đinh Trọng Nghĩa, ngụ tại 232/17/1 QL13, phường 26, quận Bình Thạnh. Kết quả đương sự Nghĩa đã bán nhà chuyển đi đâu không rõ. (bút lục: 344)

6. Nguyễn Minh Thắng, sinh năm 1991, ngụ tại 135F Mai Chí Thọ, phường An Phú, Quận 2. Kết quả tại địa chỉ trên không có ai tên Thắng cư ngụ.

7. Trần Thị Thủy; SN: 1965; ngụ tại 1704 Âu Cơ, phường 10, quận Tân Bình. Kết quả Công an phường 10, quận Tân Bình trả lời trên địa bàn không có địa chỉ 1704 Âu Cơ, phường 10, quận Tân Bình. (bút lục: 349)

8. Phạm Thị Kim Ngân, sinh năm 1994, ngụ tại: 166/8 Bình Thới, phường 14, quận 11. Kết quả đương sự đã chuyển đi về A6/11/166 ấp 1, xã Vĩnh Lộc B, Huyện Bình Chánh. Tiếp tục xác minh tại xã Vĩnh Lộc B, Huyện Bình Chánh thì địa phương không có địa chỉ trên. (bút lục: 341-342)

9. Trần Huỳnh Bảo Thơ, ngụ tại 107/5/9 Ngô Đức Kế, phường 12, quận Bình Thạnh; Tạm trú: 69 đường số 18, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức. Kết quả xác minh tại phường 12, quận Bình Thạnh đương sự Thơ đã bán nhà đi đâu không rõ. Xác minh tại quận Thủ Đức được biết không có ai tên Thơ có lai lịch như trên cư ngụ.

10. Bùi Hữu Hiền, ngụ tại: 251/60C Lê Q Định, phường 7, quận Bình Thạnh. Kết quả tại địa chỉ trên không có ai tên Hiền cư ngụ. (bút lục: 340)

Có 5 người có tên trong hợp đồng vay tiền nhưng thực tế không vay gồm:

1. Đỗ Minh Khánh, sinh năm 1989, ngụ tại 536/32/17/10 Âu Cơ, phường 10, quận Tân Bình. Anh Khánh trình bày không đúng tên hợp đồng cầm đồ với tiệm cầm đồ D Hải Phát, không vay mượn bất kỳ ai. Năm 2016, anh Khánh có cầm đồ 01 giấy đăng ký xe biển số 59P2-351.25 tại tiệm cầm đồ D Hải Phát, địa chỉ 288C Âu Cơ, phường 10, quận Tân Bình với giá 1.000.000 đồng. Sau 01 tháng thì anh Khánh tới chuộc lại giấy đăng ký xe với số tiền là 1.500.000 đồng. Tiệm cầm đồ này của Bùi Tiến D mở tuy nhiên đã dừng hoạt động từ tháng 5/2020. Đối với hợp đồng trong khi khám xét thu được thì anh Khánh xác nhận mình không đúng tên, chữ ký trên hợp đồng không phải của anh. (bút lục: 327-329)

2. Nguyễn Tư Hưng, sinh năm 1993, ngụ tại 12/14/19 Hoàng Hoa Thám, phường 7, quận Bình Thạnh. Kết quả anh Hưng cho biết khoảng tháng 02/2019, qua tìm hiểu trên mạng anh Hưng có đến tiệm cầm đồ “D Hải Phát”, địa chỉ 288C Âu Cơ, phường 10, quận Tân Bình vay số tiền 10.000.000 đồng trả góp trong vòng 40 ngày, mỗi ngày góp 300.000 đồng (Qua xác minh tiệm này đã ngưng hoạt động từ tháng 5/2020). Người cho vay tên Thành, sử dụng sdt 0972038166 và 0933008023. Anh Hưng phải trả phí làm hồ sơ 500.000 đồng (tương đương 10% số tiền vay), góp trước một ngày tương đương 300.000 đồng, số tiền thực tế anh Hưng nhận là 9.200.000 đồng và phải thế chấp giấy CMND. Sau khi trả xong tiền vay, đến khoảng tháng 02/2020, anh Hưng tiếp tục vay số tiền 10.000.000 đồng (thực nhận 9.200.000 đồng) với phương thức như trên và phải thế chấp lại hộ chiếu của anh Hưng. Thời điểm đó do tình hình dịch bệnh không làm ăn được nên anh Hưng không khả năng góp cho phía cho vay. Ngày 28/8/2020, anh Hưng điện thoại xin người tên Thành cho trả số tiền 10.000.000 đồng và không phải trả lãi thì Thành đồng ý. Anh Hưng đã trả xong hết nợ cho Thành nhưng chưa nhận lại hộ chiếu của mình. (bút lục: 324-326; 381).

3. Trần Thị Thu Thủy, sinh năm 1961, ngụ tại 254/98/11J Âu Cơ, phường 9, quận Tân Bình. Qua làm việc, chị Thủy khai không đúng tên hợp đồng mua bán xe Honda nào với tiệm cầm đồ địa chỉ số 119 Lê Q Định, phường 14, quận Bình Thạnh, chữ ký trong hợp đồng không phải của chị Thủy. Khoảng đầu năm 2019, chị Thủy có bị mất CMND và cà vẹt xe. (bút lục: 330-332)

4. Nguyễn Đức Thắng, sinh năm 1987, ngụ tại 70/6A đường số 10, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân. Kết quả anh Thắng khai từ trước tới nay anh không vay mượn tiền của ai, thông tin trong hợp đồng là đúng nhưng chữ ký trong hợp đồng không phải của anh Thắng. Vào tháng 3/2020, anh Thắng bị mất căn cước công dân và cà vẹt xe. (bút lục: 334-336)

5. Chương Huê Tú, sinh năm 1974, ngụ tại 231 Âu Cơ, phường 10, quận Tân Bình. Kết quả chị Tú trình bày từ trước tới nay chị không vay mượn làm hợp đồng mua bán với ai, chữ ký trong hợp đồng không phải là chữ ký của chị Tú. (bút lục: 337-339)

Hiện nay, Cơ quan điều tra chưa làm rõ được hành vi của Bùi Tiến D và Bùi Tiến D không có mặt tại địa phương, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định truy tìm, nhưng

đến nay chưa có kết quả. Do đó, đối với toàn bộ các đồ vật, tài liệu thu giữ của các đối tượng Bùi Tiến D như đã nêu trên. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Bình Thạnh chưa xác minh được nguồn gốc và xét thấy không liên quan đến việc giải quyết vụ án, nên Cơ quan điều tra đã tách ra để tiếp tục điều tra xác minh làm rõ xử lý sau. Do đó, Hội đồng xét xử không xét.

[25] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại các Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

1.1. Xử phạt bị cáo Lê Văn Q 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án ngày 31/5/2024.

1.2. Giao bị cáo Lê Văn Q cho Ủy ban nhân dân phường 12, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Lê Văn Q cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt với bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015.

1.3. Hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo Lê Văn Q 50.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

2. Căn cứ khoản 1, Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

2.1. Phạt tiền bị cáo Vũ Ngọc G 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” để sung công quỹ Nhà nước.

3. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

3.1. Buộc các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp lại khoản tiền gốc của các khoản vay để sung công quỹ Nhà nước, cụ thể: Bị cáo Lê Văn Q phải nộp là 340.000.000 đồng; Bị cáo Vũ Ngọc G phải nộp là 284.583.333 đồng; người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan anh Phạm Lê M phải nộp là 20.000.000 đồng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoàng T phải nộp là 55.416.667 đồng.

3.2. Buộc các bị cáo Lê Văn Q và Vũ Ngọc G nộp lại số tiền lãi theo mức lãi suất cao nhất của Bộ luật dân sự (20%/năm) để sung công quỹ Nhà nước, cụ thể: Bị cáo Lê Văn Q phải nộp là 6.546.400 đồng (sáu triệu năm trăm bốn sáu ngàn bốn trăm đồng; bị cáo Vũ Ngọc G phải nộp là 5.320.000 đồng (năm triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng).

3.3. Buộc bị cáo Lê Văn Q trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu T toàn bộ số tiền thu lợi bất chính và tiền phí trái pháp luật là 109.003.600 đồng (một trăm lẻ chín triệu không trăm không ba ngàn sáu trăm đồng).

3.4. Buộc bị cáo Vũ Ngọc G trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu T toàn bộ số tiền thu lợi bất chính và tiền phí trái pháp luật là 23.732.800 đồng (Hai ba triệu bảy trăm ba hai ngàn tám trăm đồng). Buộc bị cáo Vũ Ngọc G trả lại cho anh Phạm Lê M toàn bộ số tiền thu lợi bất chính là 40.485.000 đồng (Bốn mươi triệu bốn trăm tám mươi lăm ngàn đồng). Buộc bị cáo Vũ Ngọc G trả lại cho anh Nguyễn Hoàng T toàn bộ số tiền thu lợi bất chính và tiền phí trái pháp luật là 32.103.867 đồng (Ba hai triệu một trăm lẻ ba ngàn tám trăm sáu bảy đồng).

3.5. Trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền như sau:

- Trả lại cho chị Lục Thị Tuyết số tiền là: 9.000.000 đồng (chín triệu đồng)
- Trả lại cho ông Nguyễn Hữu Hiệp số tiền là: 17.600.000 đồng (mười bảy triệu sáu trăm ngàn đồng)
- Trả lại cho ông Nguyễn Văn Minh số tiền là: 170.000 đồng (một trăm bảy mươi ngàn đồng)
- Trả lại cho anh Nguyễn Thanh Tùng số tiền là 1.690.000 đồng (một triệu sáu trăm chín mươi ngàn đồng)
- Trả lại cho anh Phạm Văn Thế 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

3.6. Tiếp tục tạm giữ toàn bộ số tiền 194.460.000 đồng (một trăm chín tư triệu bốn trăm sáu mươi ngàn đồng) đã thu giữ của các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Theo giấy nộp tiền vào kho bạc Nhà nước số 8966806 ngày 223/2023 và giấy nộp tiền số 9658920 ngày 09/10/2023 tại Kho bạc Nhà nước quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo nghĩa vụ Thi hành án của các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

4. Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

+ Tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước:

- 01 điện thoại di động Iphone Xs Max màu vàng và 01 điện thoại di động Nokia màu đen trắng.

- 01 điện thoại di động Masstel màu xanh, số imei: 352377070369794, sim số 0931143226 và 01 điện thoại di động Iphone 6 plus màu trắng, số imei: 352050070962104, sim số 0941886226;

+ Tuyên trả lại cho ông Nguyễn Hữu Hiệp: 01 điện thoại di động Iphone Xs màu gold, số imei: 353170103157180 và 01 điện thoại di động Nokia.

+ Tuyên trả lại cho bị cáo Lê Văn Q: 01 CMND số 162748242 tên Lê Văn Q

+ Tuyên trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu T: 01 sổ hộ khẩu photo sao y và 01 hộ chiếu.

+ Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 ví da màu đen; 01 thùng bằng giấy các tông bên trong chứa nhiều giấy tờ rơi cho vay.

+ Tuyên lưu theo hồ sơ vụ án: 03 tờ giấy xác nhận vay tiền ngày 08/6/2020, ngày 12/6/2020 và ngày 02/7/2020, tên người vay là Nguyễn Thị Thu T; 01 tờ giấy mượn tiền tên Võ Việt P; 01 tờ giấy mượn tiền tên Từ Ngọc Khánh L; 02 tờ giấy mượn tiền tên Huỳnh Quan Đính kèm 01 giấy CMND tên Đính; 01 tờ giấy mượn tiền tên Phạm Thống N; 01 cuốn tập bên trong ghi nội dung tính tiền lãi vay; 01 tờ giấy tập học sinh ghi ngày 13/7/2020 về việc nhận đủ số tiền 18.750.000 đồng có chữ ký xác nhận của bà Nguyễn Thị Thu T.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng lúc 10 giờ 30 phút, 29/3/2023 và biên bản giao nhận vật chứng lúc 15 giờ 15 phút ngày 20/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh; Giấy nộp tiền vào kho bạc Nhà nước số 8966806 ngày 223/2023 và giấy nộp tiền số 9658920 ngày 09/10/2023).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014).

4. Căn cứ các Điều 135; 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

4.1. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

(Đã giải thích chế định án treo cho các bị cáo).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM
- VKSND, CA quận Bình Thạnh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chỉ cục THA Dân sự Q.BT;
- THA HS;
- PC.27 Công an Tp.HCM;
- Trại giam;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

Nguyễn Xuân Thúc